

Bản án số: 58/2021/HNGĐ - ST  
Ngày 29 - 9 - 2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đức Hoàn  
Ông Quách Văn Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ninh Thị Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 Về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021. Giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T L, sinh năm 1995  
Địa chỉ: Làng M, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:* Anh Phạm Văn D, sinh năm 1989  
Địa chỉ: Làng M, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị L, anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị T L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn D chung sống tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 08/5/2012 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không cùng quan điểm trong cuộc sống, anh D thường xuyên đánh đập chị, khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn trầm trọng nhất kể từ tháng 6 năm 2021 chị và anh D sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh D không thể kéo dài cuộc sống chung, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh D có 01 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 16/10/2012 kể từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu K ở với chị. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị T L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Phạm Văn D:* anh D có hộ khẩu thường trú tại làng M, xã Đ, huyện N. Theo chị L trình bày, khi vợ chồng mâu thuẫn chị gửi đơn yêu cầu ly hôn và Tòa án thụ lý vụ án, anh D bỏ vào Đà Lạt sinh sống. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh D, do anh D vắng nhà, nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ anh D là bà Phạm Thị L, bà L cam đoan sẽ giao lại các văn bản tố tụng cho anh D, anh D đã biết việc chị L khởi kiện ly hôn và Tòa án đã thụ lý vụ án, nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Phạm Văn D, theo biên bản xác minh ngày 19/8/2021, bà Phạm Thị L - là mẹ đẻ anh D cho biết: Anh D và chị L chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình bà, sau đó chị L và anh D ra ở riêng, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh D có xảy ra mâu thuẫn, chị L có nói với bà là chị không còn tình cảm với anh D và xin phép bà cho chị ly hôn anh D. Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã báo cho anh D biết, anh D có nói với bà là anh đã biết chị L làm đơn ly hôn, ý kiến của anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Về con chung: Chị L và anh D có 01 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 16/10/2012 khi chị L làm đơn ly hôn, chị đưa con về nhà ngoại ở cho đến nay; Về tài sản chung giữa chị L và anh D không có tài sản gì.

*Tại phiên tòa:* Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh D, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Linh: Về hôn nhân chấp nhận chị Trương Thị TL được ly hôn anh Phạm Văn D; Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu Phạm Minh K, sinh ngày 16/10/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh D, anh D có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, chị L đề nghị không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và tình trạng hôn nhân giữa chị Trương Thị T L và anh Phạm Văn D: chị L và anh D chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh D xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L trình bày anh D thường xuyên đánh đập chị; Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh D, theo biên bản xác minh ngày 19/8/2021, chính quyền địa phương xác định: Chị L và anh D có hộ khẩu thường trú tại làng M, xã Đ, huyện N. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D có tính ham chơi, nghiện ma túy và thường xuyên đánh chị L. Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh D phù hợp với trình bày của chị L về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh D.

Vì vậy, có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị L và anh D có 01 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 16/10/2012 kể từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu K ở với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, chị L có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu Phạm Minh K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K.

Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L khởi kiện vụ án ly hôn, không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T L:

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị T L được ly hôn anh Phạm Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Minh K, sinh ngày 16/10/2012 cho chị Trương Thị T L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phạm Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị T L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0011973 ngày 15/7/2021.

4. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Đ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Sơn**